

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KÊ SẮT

PHỤ LỤC 1A

Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn
trên địa bàn xã Kê Sắt tính đến ngày 20/5/2026
((Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Kê Sắt))

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng	11,118		38,062	2,297		67	45	
1	Thôn I	432	108.00	1519	36,98		3	2	
2	Thôn II	271	67.75	923	8.00		2	2	
3	Thôn III	423	105.75	1414	13.40		2	2	
4	Thôn IV	369	92.25	1260	12.60		2	2	
5	Thôn V	323	80.75	1146	4.44	<i>Địa bàn bị chia cắt bởi sông Sắt với các thôn khác, từ trung tâm xã sang thôn 5 phải đi qua cầu Sắt và đi qua tổ dân phố Dương Hòa, thuộc phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên. Nơi đây vẫn còn 1 bộ phận bà con làm nghề chài lưới trên sông, dân số đông, có 99,5% dân số theo đạo Công Giáo</i>	2	2	
6	Thôn Thượng	1011	252.75	3583	97.20		2	2	

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	Thôn Trung	481	120.25	1740	53.20		2	2	
8	Thôn Hạ	579	144.75	1923	55.83		2	2	
9	Thôn Quán Gỏi	245	61.25	822	28.20		2	0	
10	Thôn Thượng Khuông	221	55.25	748	67.20		2	1	
11	Thôn Ngọc Mai	193	48.25	641	83.90		3	1	
12	Thôn Phương Độ	295	73.75	985	57.30		3	1	
13	Thôn Vĩnh Lại	561	140.25	2120	158.10		3	1	
14	Thôn Lại	245	61.25	902	82.90		3	1	
15	Thôn Mòi	211	52.75	772	83.80		3	1	
16	Thôn Hồ Liễn	301	75.25	1160	121.3		3	1	
17	Thôn My Khê	453	113.25	1450	146.8		2	2	
18	Thôn My Thử	367	91.75	1204	50.90		2	2	
19	Thôn Phục Lễ	525	131.25	1769	49.30		2	2	
20	Thôn Phụng Viện	287	71.75	1011	75.30		2	1	
21	Thôn Me Vàng	169	42.25	501	77.60		2	1	
22	Thôn Lý Dương	447	111.75	1451	231.90		2	2	
23	Thôn Lý Đông	439	109.75	1471	104.50		2	2	

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố				Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú	
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)				Yếu tố đặc thù (nếu có)
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9
24	Thôn Bằng Trai	349	87.25	1155	61.40		2	2	
25	Thôn Đỗ Xá	219	54.75	656	39.20		2	1	
26	Thôn Tuấn	339	84.75	1155	108.60		2	2	
27	Thôn Nhân Kiệt	619	154.75	2012	223.00		3	2	
28	Thôn Hòa Ché	451	112.75	1534	250.30		3	2	
29	Thôn Lương Phúc	293	73.25	1035	97.7		2	1	

Ghi chú : Thôn dự kiến có từ 400 hộ trở lên, tổ dân phố dự kiến có từ 550 hộ trở lên.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KẼ SẮT

PHỤ LỤC 1A

**Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn
trên địa bàn xã Kẽ Sắt**

((Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Kẽ Sắt))

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xã Kẽ Sắt	11,118	38,062	1,235	29	2	6	9	12	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KÈ SẮT**

PHỤ LỤC SỐ 2

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Kè Sắt

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Kè Sắt)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn	Các tổ chức tại thôn																			Ghi chú	
			Trước khi sắp xếp thôn									Sau khi sắp xếp thôn											Số sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp
			Tổng số	Trong đó								Tổng số	Trong đó										
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)		Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23	
1	Xã Kè Sắt	29	203	29	29	29	29	29	29	0	29	140	20	20	20	20	20	20	0	20	-63		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trương Minh Thảo	6/12/1984		1	Bí thư chi bộ, trưởng thôn	4,2		x						x	
2	Cao Xuân Khu	16/3/1949		1	Trưởng Ban CTMT	1,8				x				x	x
V	Thôn V														
1	Đào Xuân Phương	28/2/1962		1	Bí thư chi bộ, trưởng thôn	3,2				x				x	x
2	Đào Văn Khang	19/12/1995		1	Trưởng Ban CTMT	1,3	x							x	
VI	Thôn Thượng														
1	Quách Vững Trãi	15/8/1976		1	Bí thư Chi bộ, trưởng Ban CTMT	3,9		x						x	
2	Quách Quang Sáng	22/12/1975		1	Trưởng thôn	2,1		x						x	
VII	Thôn Trung														
1	Phạm Thế Long	7/10/1988		1	Bí thư chi bộ, trưởng thôn	4,2	x					x			
2	Chu Xuân Hiếu	29/7/1992		1	Trưởng Ban CTMT	1,8	x							x	
VIII	Thôn Hạ														
1	Vũ Xuân Lợi	2/10/1959		1	Bí thư chi bộ, trưởng thôn	4,2				x				x	x
2	Nguyễn Hải Hậu	6/12/1956		1	Trưởng Ban CTMT	1,8				x				x	x
IX	Thôn Quán Gỏi														
1	Lê Hữu Đông	12/7/1957		1	Bí thư chi bộ, Trưởng ban CTMT	2,9				x			x		x

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Lê Thị Hồng Đuộm	25/12/1971	1		Trưởng thôn	1,6			x					x	
X	Thôn Thượng Khuông														
1	Lê Hữu Huy	12/1/1964		1	Bí thư chi bộ, trưởng thôn	3,2				x			x		x
2	Vũ Đức Thái	27/5/1992		1	Trưởng Ban CTMT	1,3	x							x	
XI	Thôn Ngọc Mai														
1	Vũ Văn Hiến	5/9/1959		1	Bí thư chi bộ	1,6				x		x			x
2	Tạ Mạnh Dũng	22/8/1974		1	Trưởng thôn	1,6			x					x	
3	Nguyễn Việt Linh	1960		1	Trưởng Ban CTMT	1,3				x				x	x
XII	Thôn Phương Độ														
1	Nguyễn Thị Gọn	6/5/1981	1	1	Bí thư chi bộ	1,6		x					x		
2	Trần Tứ Bôn	18/5/1971		1	Trưởng thôn	1,6			x					x	
3	Trần Văn Thắng	1959		1	Trưởng Ban CTMT	1,3				x				x	x
XIII	Thôn Vĩnh Lại														
1	Nguyễn Văn Thức	16/10/1963		1	Bí thư chi bộ	2,1				x			x		x
2	Vũ Trọng Thê	4/2/1979		1	Trưởng thôn	2,1			x				x		
3	Vũ Văn Chiến	1970		1	Trưởng Ban CTMT	1,8			x					x	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Vũ Thị Ngà	12/3/1963	1	1	Bí thư chi bộ, Trưởng Ban CTMT	3,9				x				x	x
2	Vũ Trọng Ninh	31/10/1979		1	Trưởng thôn	2,1		x						x	
XIX	Thôn Phục Lễ														
1	Vũ Tất Triệu	9/3/1973		1	Bí thư Chi bộ, trưởng Ban CTMT thôn	3,9			x					x	
2	Vũ Minh Hiếu	28/11/1979		1	Trưởng thôn	2,1		x						x	
XX	Thôn Phụng Viện														
1	Đặng Ngọc Điệp	19/1/1974		1	Bí thư chi bộ, trưởng thôn	3,2			x					x	
2	Vũ Quang Huy	23/3/1984		1	Trưởng Ban CTMT	1,3		x						x	
XXI	Thôn Me Vàng														
1	Bùi Đức Sơn	28/1/1971		1	Bí thư chi bộ, trưởng thôn	3,2			x					x	
2	Bùi Văn Quê	10/3/1967		1	Trưởng Ban CTMT	1,3			x					x	
XXII	Thôn Lý Dương														
1	Ngô Đức Tuấn	15/3/1970		1	Bí thư chi bộ, Trưởng Ban CTMT	3,9		x						x	
2	Bùi Văn Huân	20/4/1971		1	Trưởng thôn	2,1			x				x		
XXIII	Thôn Lý Đông														
1	Phạm Thế Nhượng	27/3/1964		1	Bí thư chi bộ, Trưởng Ban CTMT	3,9				x			x		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Hà Đình Đức	19/2/1972			Trưởng thôn	2,1			x					x	
XXIV	Thôn Bằng Trai														
1	Lê Văn Tăng	1/10/1961		1	Bí thư chi bộ, Trưởng Ban CTMT	3,9				x			x		x
2	Đào Quang Thom	5/9/1971		1	Trưởng thôn	2,1			x					x	
XXV	Thôn Đỗ Xá														
1	Vũ Văn Dũng	14/6/1968		1	Bí thư chi bộ, trưởng thôn	3,2			x				x		
2	Vũ Ngọc Huân	05/6/1979		1	Trưởng Ban CTMT	1,3		x						x	
XXVI	Thôn Tuấn														
1	Phạm Vũ Kỳ	18/4/1971		1	Bí thư chi bộ, Trưởng Ban CTMT	3,9			x					x	
2	Phạm Đình Thế	10/8/1961		1	Trưởng thôn	2,1				x				x	x
XXVII	Thôn Nhân Kiệt														
1	Nguyễn Thị Thuyét	20/6/1965	1	1	Bí thư chi bộ	2,1				x				x	x
2	Nguyễn Đăng Cương	22/11/1971		1	Trưởng thôn	2,1			x					x	
3	Nguyễn Duy Quỳnh	1969		1	Trưởng Ban CTMT	1,8			x					x	
XXVIII	Thôn Hòa Ché														
1	Nguyễn Đình Hưng	4/9/1974		1	Bí thư chi bộ	2,1			x					x	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Võ Duy Kha	24/7/1964		1	Trưởng Ban CTMT	1,8				x				x	x
3	Hoàng Trọng Hoàng	2/7/1985		1	Trưởng thôn	2,1		x					x		
XXIX	Thôn Lương phúc														
1	Phạm Văn Hiền	20/8/1963		1	Bí thư chi bộ, Trưởng Ban CTMT	2,9				x				x	x
2	Phạm Thị Thu Hà	24/8/1972	1	1	Trưởng thôn	1,6			x					x	
	Tổng số: 67 người														

Lưu ý: Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3A phải thống nhất với số lượng tại cột số 07 Phụ lục số 1A

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KÊ SẶT

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn trên địa bàn xã Kê Sặt

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Kê Sặt)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn I														
1	Trần Thị Huệ	26/2/1960	1	1	Phó trưởng thôn	1,0				x				x	x
2	Phạm Quang Tráng	1972		1	Thôn đội trưởng	0,5			x			x			
II	Thôn II														
1	Phạm Quốc Dũng	20/1/1957		1	Phó trưởng thôn	1,0				x				x	x
2	Nhữ Đình Đại	1991			Thôn đội trưởng	0,5	x							x	
III	Thôn III														
1	Đỗ Tiến Dũng	4/6/1966		1	Phó trưởng thôn	1,0				x				x	
2	Nguyễn Văn Toàn	1974		1	Thôn đội trưởng	0,5			x					x	

XI	Thôn Phương Độ														
1	Trần Văn Phan	1982		1	Thôn đội trưởng	0,5		x						x	
XII	Thôn Vĩnh Lại														
1	Đặng Đình Hợp	8/6/1981		1	Phó trưởng thôn kiêm thôn	1,5		x						x	
XIII	Thôn Lại														
1	Vũ Đình Hồng	1981			Thôn đội trưởng	0,5		x						x	
XIV	Thôn Mòi														
1	Trần Văn Kiên	1976			Thôn đội trưởng	0,5			x					x	
XV	Thôn Hồ Liễu														
1	Vũ Văn Vui	24/6/1961		1	Phó trưởng thôn kiêm thôn	1,5				x				x	x
XVI	Thôn Mỹ Khê														
1	Nguyễn Thị Tình	27/8/1958		1	Phó trưởng thôn	1,0				x				x	x
2	Phạm Văn Mạo	9/5/1977		1	Thôn đội trưởng	0,5		x						x	
XVII	Thôn Mỹ Thử														
1	Nguyễn Thị Thi	20/10/1966		1	Phó trưởng thôn	1,0			x					x	x
2	Vũ Đào Triệu	1971		1	Thôn đội trưởng	0,5				xx				x	
XVIII	Thôn Phục Lễ														
1	Vũ Tất Thông	3/11/1965		1	Phó trưởng thôn	1,0				x				x	
2	Nguyễn Văn Tuấn	1984		1	Thôn đội trưởng	0,5		x						x	

1	Nguyễn Thị Hương	27/7/1970	1	1	Phó trưởng thôn	1,0			x					x	
2	Phạm Văn Lũy	1973			Thôn đội trưởng	0,5			x				x		
XXVII	Thôn Hòa Ché														
1	Vũ Đình Chính	12/8/1984		1	Phó trưởng thôn	1,0		x						x	
2	Hoàng Trọng Hoàng	1985		1	Thôn đội trưởng	0,5		x					x		
XXVIII	Thôn Lương Phúc														
1	Phạm Văn Định	2/2/1968		1	Phó trưởng thôn kiêm thôn đội trưởng	1,5			x					x	
	Tổng số														

sách tại Phụ lục số 3B phải thống nhất với số lượng tại cột số 08 Phụ lục số 1A

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KẼ SẮT

PHỤ LỤC 4

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Kẽ Sắt

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	CÁC THÔN GIỮ NGUYÊN, KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI										
1	Thôn I	432	1519	36,98							
2	Thôn III	423	1414	13.40							
3	Thôn V	323	1146	4.44							
4	Thôn Thượng	1011	3583	97.20							
5	Thôn Trung	481	1740	53.20							
6	Thôn Hạ	579	1923	55.83							
7	Thôn Vĩnh Lại	561	2120	158.10							
8	Thôn Phục Lễ	525	1769	49.30							
9	Thôn Lý Dương	447	1451	231.90							

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định	
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư		Lý do đề nghị sáp nhập
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
10	Thôn Lý Đông	439	1471	104.50							
11	Thôn Nhân Kiệt	619	2012	223.00							
II	CÁC THÔN THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI										
1	Thôn II	271	923	8.00	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn II với thôn IV để thành lập Thôn An Quý	640	2,183	20.60	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 67% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	160.00
	Thôn IV	369	1260	12.60							
2	Một phần thôn Quán Gỏi	200	672	14.20	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại một phần thôn Quán Gỏi với toàn bộ thôn Thượng Khuông để thành lập Thôn Bắc Hưng Thịnh	421	1,420	81.40	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 50% đến dưới 65% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân, phân cách bởi đường QL 5A, người dân thôn Quán Gỏi sẽ không phải đi qua đường QL 5A để	105.25
	Thôn Thượng Khuông	221	748	67.20							
3	Một phần thôn Quán Gỏi	45	150	14.00	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại một phần thôn Quán Gỏi với toàn bộ thôn Ngọc Mai, thôn Phương Độ để thành	533	1,776	155.20	02 Nhà văn hóa	03 thôn liền kề nhau, dọc trục đường QL 5A, có quy mô từ 40% đến dưới 65% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân, phân cách bởi đường QL 5A, người	133.25
	Thôn Ngọc Mai	193	641	83.90							

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Thôn Phương Độ	295	985	57.30	lập Nam Hưng Thịnh					dân thôn Quán Gỏi sẽ không phải đi qua đường QL 5A để sinh hoạt cộng đồng.	
4	Thôn Lại	245	902	82.90	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Lại với thôn Mòi để thành lập Thôn Tuy Lai	456	1,674	166.70	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 60% đến 65% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	114.00
	Thôn Mòi	211	772	83.80							
5	Thôn Hồ Liễu	301	1160	121.30	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Hồ Liễu với thôn Tuấn để thành lập Thôn Vạn Thắng	640	2,315	229.90	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 75% đến 85% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân. Trước năm 1956 đều thuộc xã Vạn Thắng, sẵn tại có chung khu	160.00
	Thôn Tuấn	339	1155	108.60							
6	Thôn My Khê	453	1450	146.80	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn My Khê với thôn My Thữ để thành lập Thôn Hồng My	820	2,654	197.70	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, thôn My Khê đã đảm bảo tiêu chí số hộ, tuy nhiên thôn My Thữ ở liền kề chưa đảm bảo tiêu chí số hộ (91%) gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân.	205.00
	Thôn My Thữ	367	1204	50.90							
7	Thôn Phụng Viện	287	1011	75.30	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Phụng Viện với thôn Me Vàng để thành lập Thôn Vĩnh Hồng	456	1,512	152.90	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 40% đến 75% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân. Cùng nằm trên trục đường tỉnh 395, thuận lợi quy hoạch phát triển	114.00
	Thôn Me Vàng	169	501	77.60							
8	Thôn Bằng Trai	349	1155	61.40	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Bằng Trai với thôn Đỗ Xá để	568	1.811	100.60	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 50% đến 95% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng	142.00

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8	Thôn Đỗ Xá	219	656	39.20	Thực hiện sáp xếp, tổ chức lại thôn Đỗ Xá để thành lập Thôn Bằng Xá	308	1,011	100.00	02 Nhà văn hóa	Yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân. Cùng nằm trên trục đường tỉnh 395, thuận lợi quy hoạch phát triển 02 thôn liên kế nhau, thôn Hòa Chế đã đảm bảo tiêu chí số hộ, tuy nhiên thôn Lương Phúc ở liền kề chưa đảm bảo tiêu chí số hộ (73%) gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt	142.00
9	Thôn Hòa Chế	451	1534	250.30	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Hòa Chế với thôn Lương Phúc để thành lập Thôn Tam Quang	744	2,569	348.00	02 Nhà văn hóa		186.00
	Thôn Lương Phúc	293	1,035	97.70							
Tổng cộng: 20 thôn (giảm được 9 thôn)											

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KÈ SẮT

PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
NHỮNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)	
A	1	2	3	4	5	6	9
1	Thôn V	323	80.75	1146	4.44	Địa bàn chia cắt bởi sông Sắt với các thôn khác	<i>Địa bàn bị chia cắt bởi sông Sắt với các thôn khác, từ trung tâm xã sang thôn 5 phải đi qua cầu Sắt và đi qua tổ dân phố Dương Hòa, thuộc phường Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên. Nơi đây vẫn còn 1 bộ phận bà con làm nghề chài lưới trên sông, dân số đông, có 99,5% dân số theo đạo Công Giáo</i>

Tổng số 01 thôn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KÊ SẮT

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn/tổ dân phố sau khi sắp xếp trên địa bàn xã, phường, đặc khu ...
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn, tổ dân phố hiện có	Số thôn/ tổ dân phố tiến hành sắp xếp					Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp					Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn, tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp	Số người HĐ KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi dư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó quy mô				Tổng số	Trong đó quy mô				Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên						
				Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên		Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Xã Kê Sắt	29	18	2	6	8	2	20	0	0	1	19	8	1	0	1	9	20	18	Không đôi dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KÈ SẮT**

PHỤ LỤC 7

Tổng hợp thực trạng, phương án xử lý, bố trí trụ sở nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp thôn trên địa bàn xã Kè Sắt
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND)

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Thuộc phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng đôi dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
A		B	2	3	5	2			12	13	14	19
1	Thôn II	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn II với thôn IV để thành lập Thôn An Quý	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;
	Thôn IV											
2	Một phần thôn Quán Gỏi	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại một phần thôn Quán Gỏi với toàn bộ thôn Thượng Khuông để thành lập Thôn Bắc Hưng Thịnh	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;
	Thôn Thượng Khuông											
3	Một phần thôn Quán Gỏi	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại một phần thôn Quán Gỏi với toàn bộ thôn Ngọc Mai, thôn Phương Độ để thành lập Nam Hưng Thịnh	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;
	Thôn Ngọc Mai											
	Thôn Phương Độ											
4	Thôn Lại	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Lại với thôn Mài để	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để

4	Thôn Mòi	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Mòi với thôn Mòi để thành lập Thôn Tuy Lai	2	2	0	1	1	0	2	0	0	làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;
5	Thôn Hồ Liễu	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Hồ Liễu với thôn Tuấn để thành lập Thôn Vạn Thắng	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;
	Thôn Tuấn											
6	Thôn My Khê	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn My Khê với thôn My Thữ để thành lập Thôn Hồng My	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;
	Thôn My Thữ											
7	Thôn Phụng Viện	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Phụng Viện với thôn Me Vàng để thành lập Thôn Vĩnh Hồng	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;
	Thôn Me Vàng											
8	Thôn Bằng Trai	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Bằng Trai với thôn Đỗ Xá để thành lập Thôn Bằng Xá	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;
	Thôn Đỗ Xá											
9	Thôn Hòa Chế	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Hòa Chế với thôn Lương Phúc để thành lập Thôn Tam Quang	2	2	0	1	1	0	2	0	0	Đề nghị tiếp tục sử dụng 02 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;
	Thôn Lương Phúc											

Ghi chú
<i>20</i>

